**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

Quyết định giám đốc thẩm
số: 09/2018/KDTM-GĐT
Ngày 10/8/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

***- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tham gia xét xử gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Hòa;

Ông Đặng Xuân Đào;

Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh;

Ông Nguyễn VănTiến;

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thu Hải Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa***: Ông Phương Hữu Oanh - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Trụ sở tại: Số 77, phố T, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*:

- Ông Nguyễn Huy T- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S, kiêm Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Hà Nội.

- Bà Nguyễn Quỳnh H - Phó Trưởng phòng Xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Hà Nội.

- Ông Nguyễn Hoàng S - Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Hà Nội.

- Ông Nguyễn Tuấn C - Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Hà Nội.

(Văn bản ủy quyền số 17/UQ-TGĐ ngày 16/01/2015 của ông Nguyễn Văn

L - Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1966;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 98 L, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội;

Cư trú tại: Số 70, ngõ 497 AC, phường NT, quận T, thành phố Hà Nội;

Hiện đang thi hành án tại Trại số 6 (xã H, huyện TC, tỉnh Nghệ An).

2.2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1965;

Cư trú tại: Số 128 L, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội;

Hiện tạm trú tại: Số 20, ngõ 528/99 phố NGT, phường DG, quận LB, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* (theo Bản án phúc thẩm): Bà Mai Thị Thúy N, sinh năm 1969, cư trú tại: Số 73B, ngõ 612 LLQ, phường NT, quận T, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Dương Thị S, sinh năm 1957, cư trú tại: Số 13, ngõ 9 DT, phường NK, quận BD, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 27/01/2015 tại Văn phòng công chứng TD).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2010 và trong quá trình tố tụng, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:*

Ngày 21/11/2007, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Thanh H có ký kết một hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng cho bà L và ông H vay 5.000.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích thanh toán tiền mua nhà tại 98 L, Hà Nội, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên là quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 16 (1 phần), tờ bản đồ số 10 và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Thái Kim P tại địa chỉ tổ 13, cụm 2 (nhà 73B ngõ 612 đường LLQ), phường NT, quận T, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 975468 mang tên ông P. Tài sản này được thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số công chứng 4148/2007/HĐTC ngày 20/11/2007 tại Phòng công chứng S. Khi Ngân hàng đến thẩm định tài sản của ông P, Ngân hàng có hỏi về tình trạng hôn nhân thì ông P cho biết không có vợ, Ngân hàng yêu cầu ông P xác nhận tình trạng độc thân để công chứng hợp đồng thế chấp.

Sau khi vay tiền, bà L, ông H thường xuyên vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Đến ngày 30/4/2009, bà L mới trả được 6.900.000 đồng nợ

gốc và 220.000.000 đồng nợ lãi.

Hiện bà L, ông H còn nợ Ngân hàng 4.993.100.000 đồng tiền gốc, 451.000.000 đồng tiền lãi trong hạn, 2.320.676.050 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng 7.764.776.050 đồng. Ngân hàng Đề nghị Tòa án buộc bà L, ông H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi.

Trường hợp bà L, ông H không thanh toán được nợ, đề nghị phát mại tài sản đảm bảo là toàn bộ thửa đất số 16 (1 phần), tờ bản đồ số 10 và tài sản gắn liền trên đất của ông Thái Kim P để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đồng ý giảm 773.558.683 đồng tiền lãi cho bị đơn.

*Bị đơn là bà Đỗ Thị L trình bày:*

Bà và ông Thái Kim P có quan hệ họ hàng. Đầu năm 2008, ông P đồng ý và trực tiếp thế chấp nhà, đất của ông tại tổ 13, cụm 2 phường NT, quận T, thành phố Hà Nội cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay 5.000.000.000 đồng của bà tại Ngân hàng. Tất cả các tài liệu phục vụ cho việc lập hồ sơ thế chấp như Giấy chứng nhận độc thân của ông P đều do ông P tự liên hệ và xin Uỷ ban nhân dân phường NT cấp. Trong số tiền bà vay được từ Ngân hàng thì có 1.200.000.000 đồng là vay giúp ông P. Khi nhận 1.200.000.000 đồng ông P có thỏa thuận sẽ tự thanh toán với Ngân hàng lãi suất hàng tháng của số tiền này nhưng thực tế ông P không trả được đồng lãi nào, bà phải bỏ tiền trả lãi cho ông P được vài tháng rồi hết khả năng thanh toán. Theo bà hiện nay ông P còn nợ bà cả gốc và lãi khoảng 2.000.000.000 đồng.

Về yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng đối với số tiền 5.000.000.000 đồng, bà thừa nhận mặc dù vợ chồng bà cùng ký kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, nhưng khi nhận tiền vay thì mình bà nhận và tự sử dụng để kinh doanh, mục đích là lấy lợi nhuận phục vụ gia đình nên bà đề nghị ông H phải có trách nhiệm cùng bà thanh toán trả Ngân hàng số nợ vay. Trong số nợ 5.000.000.000 đồng bà đã thanh toán được một phần lãi, đề nghị Tòa án căn cứ vào sổ sách của Ngân hàng để xem xét. Do kinh doanh bị thất bại, không có khả năng trả nợ, nên bà xin Ngân hàng miễn lãi.

*Bị đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Toàn bộ số tiền 5.000.000.000 đồng bà L vay Ngân hàng đều do bà L tự mình quản lý, sử dụng để kinh doanh, ông không được biết nhưng vì ông và bà L là vợ chồng nên Ngân hàng yêu cầu ông phải ký vào hợp đồng tín dụng và các tài liệu khác mới cho bà L vay tiền. Sau này bà L làm ăn, kinh doanh gặp nhiều khó khăn và một phần tiền vay là vay hộ ông P nên bà L hết khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Bản thân bà L đã viết giấy cam kết sẽ tự mình thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi đã vay cho Ngân hàng.

Ông và bà L đã sống ly thân từ tháng 1/2009, bà L đã ký đơn ly hôn, ông đã nộp tại Tòa án nhân dân quận LB. Ông không vay và không sử dụng đồng tiền nào do bà L vay từ Ngân hàng, nên không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của

Ngân hàng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thái Kim P trình bày:*

Vào khoảng tháng 11/2007, bà Đỗ Thị L đang làm giám đốc Công ty thương mại cổ phần Dược phẩm NT và là hàng xóm liền kề, lại có quan hệ họ hàng với ông có nhờ ông cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hạn 03 tháng để đáo hạn tại Ngân hàng. Vì thấy Công ty của bà L quá lớn và nể nang tình họ hàng, ông đã cho bà L mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp có nội dung đúng như Ngân hàng trình bày. Ông không biết Ngân hàng có đi thẩm định hay không. Vì ký hợp đồng để đáo hạn Ngân hàng trong 03 tháng, nên ông không đưa vợ ông là bà Mai Thị Thúy N vào ký hợp đồng thế chấp. Ông không phải là độc thân, theo ông bà L đã làm giấy chứng nhận độc thân của ông. Sau 03 tháng, nhiều lần ông tìm gặp bà L đòi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà L không trả. Khoảng 01 năm sau, Ngân hàng mời ông lên làm việc về khoản vay 5.000.000.000 đồng do bà L vay có thế chấp bằng nhà, đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Việc Ngân hàng cầm cố nhà, đất của ông là bất hợp pháp, hợp đồng thế chấp tài sản không có hiệu lực vì ông đã có vợ, vợ ông không thỏa thuận ký vào các giấy tờ, thủ tục thế chấp nhà, đất cho Ngân hàng. Việc bà L tạo dựng giấy tờ giả để lừa Ngân hàng ông không biết. Trong thời gian tiến hành làm các thủ tục cho bà L vay tiền, Ngân hàng không gặp gỡ, trao đổi với ông một lần nào. Chỉ khi bà L không có khả năng thanh toán, Ngân hàng mới mời ông lên làm việc. Trước yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng, ông không chấp nhận.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị Thúy N trình bày:*

Bà và ông Thái Kim P kết hôn từ năm 2002 nhưng đến tháng 4 năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Xuân, quận H, thành phố Hà Nội. Vào tháng 11/2007 bà đi làm ăn ở Móng Cái, Trung Quốc đến khoảng tháng 12/2007 mới về nên việc bà L mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng bà thế chấp cho Ngân hàng thì bà không biết. Bà cũng không biết mặt và biết bà L là người như thế nào. Từ khi lấy chồng, bà về sinh sống tại nhà chồng ở số 73B, ngõ 612 đường LLQ, phường NT, quận T, thành phố Hà Nội bà đã thấy nhà đã được xây dựng như hiện nay. Bà không chấp nhận yêu cầu kê biên, phát mại tài sản nhà, đất của ông P trong trường hợp bà L không thanh toán được nợ vì đây là nơi sinh sống của gia đình bà.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 27/2011/KDTM-ST ngày 16/3/2011, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Thanh H.*

*- Xác định đến thời điểm xét xử bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Thanh H phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S 4.993.100.000 đồng nợ gốc và 2.771.676.050 đồng nợ lãi. Tổng cộng 7.764.776.050 đồng.*

*- Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S chỉ yêu cầu bà L, ông H phải thanh toán trả Ngân hàng 4.993.100.000 đồng nợ gốc và 1.998.117.367 đồng nợ lãi. Tổng cộng 6.991.217.367 đồng.*

*2. Trường hợp bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Thanh H không thanh toán được khoản nợ nêu trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý theo pháp luật đối với khối tài sản thế chấp bảo lãnh là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền quyền sử dụng đất tại thửa đất số 16 (1 phần), tờ bản đồ số 10, địa chỉ số 73B ngõ 612, đường LLQ, phường NT, quận T, thành phố Hà Nội đứng tên chủ sử dụng đất Thái Kim Pđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 975468, MS 10103093149 - 01, hồ sơ gốc số 1583/2006/QĐ - UBND/44/2006 do Uỷ ban nhân dân quận T, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/12/2006.*

*Kể từ ngày 16/3/2011 nếu bà L, ông H không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền nợ chưa thanh toán.*

Ngày 26/3/2014, bà Mai Thị Thúy N kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 26/2015/KDTM-PT ngày 11/3/2015, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã quyết định:

*Hủy một phần bản án sơ thẩm số 27/2011/KDTM-ST ngày 16/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần tài sản thế chấp (mục thứ 2 của quyết định).*

*Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.*

*Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.*

Ngày 28/6/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn đề nghị xem xét Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2018/KN-KDTM ngày 05/3/2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 26/2015/KDTM-PT ngày 11/3/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm lại phần quyết định xử lý tài sản thế chấp của ông Thái Kim Ptheo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 21/11/2007, Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Thanh H ký Hợp đồng tín dụng số SHB20L18/HĐTD; theo đó: Ngân hàng cho bà L và ông H vay 5.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng là thanh toán một phần tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 98 L, thành phố Hà Nội; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Tài sản bảo đảm cho các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên là quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 16 (1 phần), tờ bản đồ số 10 và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Thái Kim Ptại địa chỉ tổ 13, cụm 2, phường NT, quận T, thành phố Hà Nội (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 975468 mang tên ông P) theo Hợp đồng thế chấp được ông P (bên thế chấp) và Ngân hàng (bên nhận thế chấp) cùng ký ngày 20/11/2007 tại Phòng công chứng số 3 thành phố S. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng số 4148/2007/HĐTC và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/11/2007 tại Văn phòng đăng ký nhà đất quận T, thành phố Hà Nội.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà L, ông H trả số tiền cả gốc và lãi bằng 7.764.776.050 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng chỉ yêu cầu bà L, ông H trả Ngân hàng 6.991.217.367 đồng; đồng thời quyết định cho Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà L, ông H không thanh toán được khoản nợ nêu trên.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự là bà L, ông H, bà N (với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được tống đạt Bản án sơ thẩm hợp lệ, nhưng không kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp có thẩm quyền không kháng nghị Bản án sơ thẩm. Riêng ông P, không có tài liệu thể hiện đã được tống đạt Bản án sơ thẩm hợp lệ. Ngày 28/12/2013, ông P chết. Ngày 21/3/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tống đạt bản án cho bà N, bà N cam kết sẽ giao bản án sơ thẩm cho mẹ của ông P là cụ Nguyễn Thị C và 2 con của ông P, bà N là cháu Thái Trà M và Thái Mỹ L (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P). Ngày 26/3/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận được đơn kháng cáo của bà N (có nội dung: Hiện nay chồng tôi đã mất và tôi là người thừa kế hàng thứ nhất. Tôi xin kháng cáo không đồng ý phát mại tài sản của chồng tôi để trả nợ thay cho bà L…). Như vậy, kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm giao bản án cho bà N (ngày 21/3/2014) cho đến thời điểm bà N kháng cáo (ngày 26/3/2014): nếu với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Ptheo quy định tại khoản 1 Điều 62 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011) là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011) về thời hạn kháng cáo; nếu với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì đã quá thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự nêu trên.

[4] Tòa án cấp phúc thẩm đã xử phúc thẩm theo đơn kháng cáo của bà N (do Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 26/3/2014) nhưng chưa làm rõ bà N kháng cáo với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông P hay với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót.

[5] Ông P đăng ký kết hôn với bà N ngày 29/4/2003 tại Ủy ban nhân dân phường ĐX, quận H, thành phố Hà Nội. Ngày 13/11/2006, ông P được mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị C cùng các chị, em lập hợp đồng tặng cho một phần nhà đất tại tổ 13 cụm 2, phường NT, quận T, thành phố Hà Nội (diện tích nhà 104,3$m^2$, diện tích sử dụng 295,1$m^2$, diện tích đất 198$m^2$ trong đó có 188,3$m^2$ sử dụng riêng bao gồm 158,3$m^2$ đất ở và 30$m^2$ đất vườn liền kề, 9,7$m^2$ sử dụng chung). Hợp đồng tặng cho này thể hiện tặng cho ông P (không có tên bà N). Tại Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 22/11/2006 thể hiện ông P là chủ sở hữu, sử dụng nhà đất. Ngày 26/12/2006, ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 168$m^2$, tài sản gắn liền với đất là 01 nhà bê tông 02 tầng diện tích sử dụng 295,1$m^2$, diện tích xây dựng 104,3$m^2$. Tuy tài sản này ông P được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân với bà N, nhưng không có tài liệu nào thể hiện ông P thỏa thuận đây là tài sản chung với bà N. Theo Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định "Trong trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì trong giấy chứng nhận quyền sở hữu phải ghi tên của cả vợ chồng" và khoản 3 Điều 12 Luật Nhà ở năm 2003 quy định "…trường hợp nhà ở thuộc sở hữu chung của vợ chồng thì ghi đủ tên của cả vợ và chồng…". Như vậy, có cơ sở xác định nhà đất nêu trên là tài sản riêng của ông P.

[6] Ngày 20/11/2007, tại Phòng công chứng S, ông P lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất của ông P tại tổ 13 cụm 2, phường NT, quận T (theo giấy chứng nhận cấp ngày 26/12/2006 của ông P) cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay 5.000.000.000 đồng của bà L. Việc thế chấp đã đúng quy định tại các Điều 342, 343, 715, 716, 717 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, Hợp đồng thế chấp ngày 20/11/2007 giữa ông P với Ngân hàng có hiệu lực pháp luật.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng thế chấp ngày 20/11/2007 giữa ông P và Ngân hàng có hiệu lực pháp luật và xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nếu bà L và ông H không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý theo pháp luật đối với khối tài sản ông P thế chấp bảo lãnh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm nhận định là sau khi ông P được tặng cho nhà, đất thì nhà, đất này được đưa vào sử dụng chung cho vợ chồng, con cái của ông P; quá trình giải quyết vụ án, cả ông P, bà N và gia đình ông P đều xác định là tài sản chung của ông P và bà N (ông P, bà N và các con của ông P, bà N đều có hộ khẩu tại nhà, đất này). Khi ông P dùng nhà, đất này làm tài sản thế chấp mà không có sự bàn bạc, thỏa thuận với bà N là vi phạm các Điều 27 và Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 219 Bộ luật Dân sự là không chính xác.

[8] Đối với quyết định của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng không bị kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Các đương sự không đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 28/12/2013, ông P đã chết, nên khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp phúc thẩm cần đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng

của ông P vào tham gia tố tụng để giải quyết triệt để vụ án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2018/KN-DS ngày 05/3/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy một phần Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 26/2015/KDTM-PT ngày 11/3/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội về phần quyết định xử lý tài sản thế chấp của ông Thái Kim P trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bị đơn là bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Thanh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị Thúy N.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 10 -VKSNDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội (kèm hồ sơ);
- TAND Thành phố Hà Nội;
- TAND quận T, thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự theo địa chỉ;
- Lưu: VT, Vụ GĐKTII (2 bản), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Hồng Quang**